ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 /2017/QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 28 tháng 02 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 54/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về công nhận các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt khác cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 204/TTr-SNN ngày 26 tháng 10 năm 2016; Báo cáo số 310/BC-SNN, ngày 16/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản của tỉnh.

2. Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (gọi tắt là người sản xuất) sản xuất, sơ chế các loại sản phẩm nông nghiệp, thủy sản an toàn thuộc Danh mục sản phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản đặc thù của địa phương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ

Các sản phẩm được hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, cụ thể:

1. Sản phẩm trồng trọt: rau, quả, chè, cà phê, hồ tiêu, lúa;

2. Sản phẩm chăn nuôi: lợn, gia cầm, thủy cầm, bò sữa, ong;

3. Sản phẩm thủy sản: cá tra, tôm thẻ chân trắng, cá rô phi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*VietGAP*"(là cụm từ viết tắt của Vietnamese Good Agricultural Practices) có nghĩa là thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam, là tập hợp các tiêu chí do Bộ Nông nghiệp và nông thôn ban hành và các tiêu chuẩn GAP khác, tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho áp dụng là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn Việt Nam.

2. *Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt* là các GAP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành đối với từng sản phẩm, nhóm sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi.

3. *Cơ sở sơ chế*: Nơi xử lý các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản (bao gồm hoạt động thu mua) nhằm tạo ra thành phẩm tươi sống có thể ăn ngay hoặc tạo ra nguyên liệu thành phẩm, bán thành phẩm cho khâu chế biến thành phẩm tiếp theo.

Điều 4. Điều kiện đối với người sản xuất được hỗ trợ kinh phí

Người sản xuất được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Sản phẩm đăng ký thực hiện áp dụng VietGAP thuộc Danh mục sản phẩm được hỗ trợ tại Điều 2 của Quyết định này.

2. Trong quá trình sản xuất, sơ chế sản phẩm phải thực hiện đúng quy trình VietGAP đã đăng ký.

3. Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm được ghi trong Giấy đăng ký áp dụng VietGAP và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) tại địa điểm đăng ký áp dụng VietGAP.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ đối với người sản xuất

1. Hỗ trợ 100% kinh phí cho điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước để xác định vùng đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp, thủy sản tập trung đáp ứng yêu cầu sản xuất VietGAP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ không quá 50% tổng vốn đầu tư xây dựng, cải tạo: đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP. Kinh phí hỗ trợ thực hiện theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;

3. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn; biên soạn, in ấn tài liệu, biểu mẫu phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại các Chương trình, dự án lồng ghép thực hiện VietGap.

4. Hỗ trợ người sản xuất một lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP (lần đầu hoặc cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP);

Chủ đầu tư dự án VietGAP lựa chọn tổ chức chứng nhận có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật về đấu thầu và trả kinh phí chứng nhận sản phẩm VietGAP cho tổ chức chứng nhận;

Cơ quan chủ quản của dự án VietGAP chịu trách nhiệm về giá dịch vụ chứng nhận sản phẩm VietGAP.

5. Hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM). Nội dung chi, mức chi theo quy định tại Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 13/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành tại Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

6. Hỗ trợ chi phí tham gia Hội chợ triển lãm trưng bày sản phẩm trong và ngoài nước. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí thuê gian hàng và không gian không quá 02 gian hàng tiêu chuẩn 9 m^2 (3m x 3m) cho mỗi lượt tham gia và chi phí vận chuyển hàng hóa tham gia Hội chợ triển lãm đối với sản phẩm nông nghiệp.

Riêng đối với sản phẩm ong mật hỗ trợ 100% kinh phí tham gia tập huấn nâng cao năng lực cạnh tranh phát triển thị trường.

Đối với các hoạt động xúc tiến thương mại khác, được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư sản xuất, sơ chế sản phẩm áp dụng VietGAP ngoài được hưởng mức hỗ trợ tại Điều này còn được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định hiện hành nhưng không được trùng lắp nội dung hỗ trợ.

Điều 6. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Kinh phí đầu tư, hỗ trợ các nội dung tại Quyết định này được sử dụng từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh thông qua các chương trình, dự án có liên quan cụ thể sau:

1. Dự án "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của ngành Nông nghiệp đến năm 2020" thuộc Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020" theo Quyết định số 635/QĐ-TTg ngày 30/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Kinh phí khuyến nông theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 8/01/2010 về khuyến nông.

4. Nguồn ngân sách tỉnh: Hàng năm tỉnh sẽ cân đối xem xét hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện như theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5 Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Các dự án, chương trình mục tiêu khác có liên quan.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; đồng thời, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện chính sách và các vướng mắc, phát sinh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

b) Hàng năm, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện trên địa bàn tỉnh, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

c) Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, xác định các vùng có đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp, thủy sản theo VietGAP; tham mưu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản đặc thù

của tỉnh khi các sản phẩm đó có Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt để người sản xuất áp dụng và được hỗ trợ theo Quyết định này.

d) Tiếp nhận hồ sơ các dự án đăng ký hỗ trợ áp dụng VietGAP; tổ chức chủ trì thực hiện xét duyệt đối tượng đăng ký hỗ trợ và chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

đ) Kiểm tra, thanh tra, giám sát người sản xuất được cấp Giấy chứng nhận VietGAP và hoạt động đánh giá, chứng nhận VietGAP của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với các Bộ, ngành Trung ương thông qua các chương trình, dự án để hỗ trợ đầu tư kinh phí xây dựng, cải tạo kết cấu hạ tầng (giao thông, kênh mương tưới tiêu, điện hạ thế) cho vùng có đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp, thủy sản tập trung đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn VietGAP.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí lồng ghép các nguồn vốn, như: vốn Đầu tư xây dựng cơ bản, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương để thực hiện chính sách nông nghiệp hàng năm.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ cho người sản xuất đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới, đổi mới công nghệ sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật áp dụng quy trình VietGAP trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

4. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành liên quan căn cứ dự toán và khả năng ngân sách tỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trong dự toán thu, chi ngân sách tỉnh hàng năm.

5. Sở Công Thương căn cứ kế hoạch hàng năm định hướng chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại về phân phối, tiêu thụ sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP và vận động tuyên truyền người tiêu dùng sử dụng sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện hướng dẫn các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai trong việc áp dụng VietGAP vào sản xuất nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại trên địa bàn tỉnh ưu tiên giải quyết nguồn vốn vay cho các chương trình, dự án sản xuất, sơ chế sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP.

8. Báo Đắk Lắk, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh cập nhật truyền thông các thông tin về sản xuất, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh.

9. Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh phối hợp với các cơ quan tổ chức vận động, tuyên truyền

người sản xuất, sơ chế áp dụng VietGAP, người kinh doanh tiêu thụ sản phẩm an toàn.

10. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai quy hoạch phát triển nông nghiệp, thủy sản tập trung trên địa bàn quản lý; đồng thời, tuyên truyền, phổ biến triển khai phát triển sản xuất, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn quản lý.

b) Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí hỗ trợ người sản xuất, sơ chế sản phẩm nông nghiệp và thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 8. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2017./.

Nơi nhận:
- Như điều 8;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh, Liên minh HTX tỉnh;
- Sở Tư pháp, Đài PT-TH tỉnh, Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, KT, NN&MT;
- Lưu: VT, NN&MT (Đg-60b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị